

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: VĂN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	2203360355	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	11/10/2003	02DL13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
2	2203360368	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	03/09/1993	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
3	2203360173	Trần Văn	Anh	12/06/2005	02DD13C2	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
5	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/09/2005	01DD13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
6	1203360058	Nguyễn Tuấn	Anh	12/07/2005	01TM13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
7	2203360254	Phạm Quốc	Anh	13/04/2005	02KT13C1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
8	2203360139	Nguyễn Nữ Quỳnh	Anh	02/07/2005	02KT13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
9	1203360019	Trần Thị Hải	Âu	02/08/1993	01KT13D1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
10	2203360283	Đàm Văn Gia	Bảo	13/12/1997	02DD13D1	7,0	6,0	6,3			2,5	Thi lại
11	2193360154	Hoàng Ngọc	Bảo	20/02/2002	02DL12C1	5,0	6,0	5,7		3,0	4,1	Thi lại
12	2203360091	Trần Duy	Bảo	17/10/2005	02TM13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
15	2203360248	Nguyễn Đức Duy	Bảo	19/11/2004	02TM13C1	6,0	7,0	6,7		2,0	3,9	Thi lại
16	2203360218	Lê Hoàng Gia	Bảo	7/10/2005	02TW13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
17	1203360048	Trương Duy	Bảo	08/12/2005	01KT13C1	6,0	7,0	6,7		1,0	3,3	Thi lại
18	1203360079	Trần Quốc	Bảo	25/03/2005	01TM13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
19	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
20	1223360257	Đỗ Nguyễn Thiên	Bảo	22/09/2007	01TM15C1	5,0	5,0	5,0		0,0	2,0	Thi lại
21	2203360085	Trương Văn	Cường	02/07/2005	02TM13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
28	1203360102	Lê Thị Mỹ	Chi	24/03/2005	01KT13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
29	1223360245	Lâm Thị Yến	Chi	7/10/2007	01KT15C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
30	1203360049	Đỗ Văn	Danh	18/12/2005	01TM13C1	7,0	5,0	5,7		6,0	5,9	Đạt
31	2203360080	Lưu Cẩm	Dung	22/04/2005	02MK13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
32	2203360255	Phạm Quốc	Dũng	13/04/2005	02KT13C1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
33	2203360140	Nguyễn Thị Thùy	Dung	08/02/2004	02MK13C1	6,0	7,0	6,7		0,0	2,7	Thi lại
34	2203360020	Trần Khương	Duy	02/09/1989	02TW13D1	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
35	2203360153	Từ Trương Bảo	Duy	26/08/2005	02DL13C1	7,0	6,0	6,3		7,0	6,7	Đạt
36	2203360131	Đặng Nguyễn	Duy	10/04/2005	02TM13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
37	2203360001	Phạm Tài	Duy	02/10/1990	02DS13D1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
38	2203360220	Nguyễn Khang	Duy	12/12/2004	02MK13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
39	2193360232	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	02DL12C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
40	1203360026	Đậu Thị	Duyên	24/04/2005	02DD13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
41	2203360278	Vũ Thị Bình	Dương	03/04/2002	02DD13C2	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
43	2203360146	Đinh Văn Thành	Đạt	10/08/2005	02DS13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
44	1203360094	Lê Thành	Đạt	01/05/2005	01TM13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
45	2203360152	Phan Gia	Đạt	11/07/2005	02MK13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
46	2203360102	Nguyễn Minh	Đặng	28/12/2005	02TW13C1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
47	2203360323	Phan Thị Ngọc	Điệp	21/04/2002	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
48	2203360330	Nguyễn Minh	Đức	02/07/2000	02KT13D1	8,0	7,0	7,3		5,0	5,9	Đạt
49	2193360075	Dương Thị Ngọc	Hà	28/03/2004	02KT12C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
50	2203360366	Võ Ngọc	Hải	11/12/2003	02DL13C1	7,0	5,0	5,7		0,0	2,3	Thi lại
51	2203360023	Tô Nhật	Hào	10/09/2001	02TM13C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
52	1203360139	Võ Nhật	Hào	24/04/2005	01DD13C1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
54	2203360128	Mai Phạm Phú	Hào	31/07/1997	02MK13D1	6,0	7,0	6,7		0,0	2,7	Thi lại
55	1203360080	Hoàng Thị	Hằng	09/12/2005	01DD13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
56	1213360064	Nguyễn Thị Kim	Hằng	07/09/2006	01DD14C1	7,0	7,0	7,0		0,0	2,8	Thi lại
57	1203360170	Phạm Thị Thuý	Hằng	14/10/2002	01DS13C1	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	Đạt
58	2203360356	Trần Thị	Hằng	16/09/1992	02DD13D1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
59	2203360030	Trần Mai	Hân	28/12/2005	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
62	2203360079	Đặng Hoàng Bảo	Hân	20/05/2005	02DS13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
69	2203360219	Trương Gia	Hân	12/09/2005	02YS13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
70	2203360251	Vũ Ngọc	Hân	02/05/2005	02KT13C1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
71	2203360188	Trần Đoàn Thục	Hân	19/09/2005	02MK13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
72	2203360041	Trương Thái	Hiền	21/4/1995	02DD13C2	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
73	2203360117	Phan Phụng	Hiền	15/02/2005	02TM13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
74	1223360146	Lê Trọng	Hiếu	15/05/2006	01MK15C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
75	1203360148	Nguyễn Thị	Hoa	29/08/2005	01YS13C1	7,0	7,0	7,0		3,0	4,6	Thi lại
76	2203360354	Fang Yi	Hong	16/10/1998	02DS13C2	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
77	1223360026	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	30/07/2004	01DH15C1	6,0	5,0	5,3		6,0	5,7	Đạt
78	2203360042	Nguyễn Phú Quốc	Hùng	10/05/2004	02YS13C1	6,0	5,0	5,3		5,0	5,1	Đạt
79	1223360211	Nguyễn Hoàng Lâm	Hùng	15/07/2007	01MK15C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
80	2203360039	Nguyễn Tấn	Huy	04/09/2002	02TM13C1	7,0	5,0	5,7		3,0	4,1	Thi lại
81	2203360214	Ngô Quang	Huy	10/04/2005	02TW13C1	5,0	6,0	5,7		4,0	4,7	Thi lại
82	1203360078	Phạm Hoàng	Huy	13/02/2005	01DD13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
83	1203360106	Nguyễn Quốc	Huy	24/09/2005	01DD13C1	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	Đạt
84	1223360292	Nguyễn Trần Gia	Huy	01/12/2007	01DH15C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
85	1203360088	Lê Nguyễn Đức	Huy	04/09/2005	01DS13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
86	1203360149	Trần Văn	Huy	08/03/2005	01TM13C1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
87	1203360098	Biện Hoàng	Huy	16/02/2005	01TM13C1	6,0	5,0	5,3		6,0	5,7	Đạt
88	1203360086	Mai Xuân	Huy	26/01/2005	01YS13C1	6,0	7,0	6,7		4,0	5,1	Đạt
89	2193360159	Phạm Thị Kim	Huyền	12/11/2004	02DL13C1	7,0	5,0	5,7		4,0	4,7	Thi lại
90	2203360027	Đặng Thị	Huyền	29/10/1995	02DS14C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
91	1203360028	Phan Công	Hung	04/05/2005	01TM13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
92	2203360143	Nguyễn Thị Quỳnh	Huong	09/11/2003	02MK13C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
93	2203360018	Trần Vĩnh	Kiên	12/03/2002	02TM13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
94	2203360099	Phạm Vũ Trung	Kiên	30/07/2005	02TM13C1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
95	2193360034	Trần Trung	Kiên	26/01/2002	02DL12C1	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	Đạt
96	1203360128	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	22/10/2005	01TM13C1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
97	2203360293	Lương Anh	Kiệt	16/12/2003	02MK13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
98	2203360347	Nguyễn Huỳnh Thúy	Kiều	08/12/2001	02MK13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
99	2203360159	Nguyễn Thuận Nguyên	Khang	21/04/2005	02TW13C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
100	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu	Khanh	08/09/2005	01YS13C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
101	2203360285	Võ Quốc	Khánh	29/08/2003	02TM13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
102	2203360112	Vũ Quốc	Khánh	07/09/2005	02TM13C1	6,0	5,0	5,3		5,0	5,1	Đạt
103	2203360094	Trần Thị Ngọc	Khánh	18/09/2003	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		0,0	2,8	Thi lại
104	2203360242	Đặng Ngọc Anh	Khoa	06/08/2004	02MK13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
105	2203360133	Phan Trung	Lễ	30/08/2005	02TM13C1	7,0	5,0	5,7		4,0	4,7	Thi lại
106	2203360154	Hồ Gia	Liên	23/11/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
107	2203360167	Nguyễn Ngọc	Linh	03/12/2005	02DD13C2	8,0	6,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
108	2203360247	Nguyễn Trinh Diệu	Linh	06/10/2005	02DD13C2	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
109	2203360191	Lê Thị Ngọc	Linh	09/08/2005	02DS13C2	6,0	5,0	5,3		5,0	5,1	Đạt
110	2203360142	Kiều Thùy	Linh	30/04/2005	02DS13C1	6,0	5,0	5,3		4,0	4,5	Thi lại
111	2203360210	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	12/06/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
112	2203360206	Phùng Lâm Tuyết	Linh	08/09/2005	02DD13C2	6,0	7,0	6,7		4,0	5,1	Đạt
113	2203360277	Đoàn Thị Ngọc	Linh	15/09/2005	02KT13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
114	2203360238	Trần Thị Thuỳ	Linh	08/06/2005	02MK13C1	6,0	7,0	6,7		3,0	4,5	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
115	1193360131	Chế Thị Thanh	Loan	14/07/2002	01DD12C1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
116	2203360132	Nguyễn Hoàng Nhật	Long	25/09/2005	02DL13C1	8,0	7,0	7,3		7,0	7,1	Đạt
117	1203360107	Tô Thành	Long	09/09/2005	01TM13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
118	2193360044	Vũ Hoàng	Long	06/05/1988	02MK12C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
119	1203360161	Phan Tấn	Lộc	10/5/2005	01DS13C1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
120	1203360062	Nguyễn Hữu	Lộc	05/12/2005	01TM13C1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
121	2203360263	Nguyễn Thanh	Lộc	28/03/2002	02KT13C1	8,0	6,0	6,7		3,0	4,5	Thi lại
122	2203360213	Ngô Bảo	Lộc	05/04/2004	02MK13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
123	1223360037	Nguyễn Tấn	Lợi	21/12/2003	01DH15C1	6,0	5,0	5,3		3,0	3,9	Thi lại
124	2193360111	Trần Đức	Lợi	18/11/2002	02DL12C1	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
125	2203360129	Trần Thị Hiền	Lương	21/06/2005	02MK13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
126	2203360123	Lê Ngô Thảo	Ly	14/01/2004	02DD13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
127	1203360160	Lê Thị Cẩm	Ly	19/07/2005	01KT13C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
128	2203360296	Lê Ngọc	Mai	28/02/2005	02YS13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
129	2203360120	Lương Thị Trúc	Mai	10/12/2001	02KT13D1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
130	2203360082	Trương Quang	Minh	09/12/2005	02DL13C1	6,0	6,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
131	2193360109	Ngô Thị Tuyết	Minh	12/04/2001	02KT14C1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
132	2203360007	Huỳnh Đức	Minh	27/06/1997	02MK13D1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
133	2203360076	Đỗ Ngọc Diễm	My	28/10/2005	02YS13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
134	2203360095	Đinh Thảo	My	04/07/2004	02TW13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
135	1223360079	Nguyễn Hoàng	Mỹ	02/05/2007	01TM15C1	6,0	5,0	5,3		5,0	5,1	Đạt
136	2203360017	Trần Nhật	Nam	07/09/2004	02TM13C1	5,0	6,0	5,7		0,0	2,3	Thi lại
137	2203360162	Nguyễn Phạm Nhật	Nam	29/01/2005	02TM13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
138	1203360154	Trương Lý Hoài	Nam	22/11/2005	01TM13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
139	1223360054	Hà Hoài	Nam	27/08/2004	01TM15C1	6,0	7,0	6,7		4,0	5,1	Đạt
140	2203360025	Phạm Văn	Nam	29/10/2003	02TM13D1	6,0	6,0	6,0		3,0	4,2	Thi lại
141	2203360038	Thạch Thị Sô Phi	Ni	07/04/2002	02KT13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
142	1203360031	Võ Ngọc	Ngà	28/12/2005	01KT13C1	5,0	7,0	6,3		5,0	5,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
143	2203360081	Hồ Ngọc Bảo	Ngân	14/10/2005	02DD13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
144	2203360066	Trần Thị Mỹ	Ngân	12/10/2004	02DD13C1	7,0	7,0	7,0		0,0	2,8	Thi lại
145	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	04/10/1999	01DH15C1	6,0	7,0	6,7		0,0	2,7	Thi lại
146	1203360118	Nguyễn Phạm Hoàng	Ngân	11/05/2005	01KT13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
147	2203360336	Nguyễn Thiện Kim	Ngân	01/07/2001	02KT13D1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
148	1203360112	Võ Lê Trọng	Nghĩa	26/04/2005	01KT13C1	8,0	7,0	7,3		4,0	5,3	Đạt
149	2203360273	Phạm Nguyễn Thảo	Ngọc	12/05/2005	02DD13C2	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
150	2203360172	Nguyễn Trương Thảo	Ngọc	02/02/2005	02YS13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
151	1203360137	Nguyễn Thị Như	Ngọc	26/08/2005	01KT13C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
152	2203360147	Nguyễn Thành	Nguyên	14/04/2005	02TW13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
153	2203360021	Nguyễn An	Nguyên	05/10/2000	02YS13D1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
154	2203360062	Trần Thụy Trúc	Nhã	12/05/2004	02MK13C1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
155	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	02DS13C2	6,0	6,0	6,0		3,0	4,2	Thi lại
156	2203360087	Đặng Yến	Nhi	18/09/2005	02DS13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
157	2203360236	Vương Tiên	Nhi	31/08/2005	02MK13C1	6,0	7,0	6,7		4,0	5,1	Đạt
158	2203360337	Lâm Tuyết	Nhung	26/10/2005	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
159	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Nhur	01/11/2005	01DD13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
160	1203360020	Lê Quỳnh	Nhur	24/12/2005	01DD13C1	8,0	7,0	7,3		7,0	7,1	Đạt
161	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Nhur	01/09/2005	01DD13C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
162	1833620192	Lê Thị Huỳnh	Nhur	12/08/1994	02KT12D1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
163	2203360069	Nguyễn Lê Quỳnh	Nhur	23/01/2005	02KT13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
164	2203360201	Hà Kiều	Oanh	31-01-2005	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
165	1203360176	Nguyễn Kim	Oanh	22/07/2004	01KT13C1	7,0	5,0	5,7		0,0	2,3	Thi lại
166	1203360158	Ngô Thị Ca	Pháp	11/11/1989	01DS13D1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
167	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/6/2005	01YS13C1	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại
168	2203360352	Hồ Hữu	Phú	22/5/1982	02KT13D1	6,0	5,0	5,3		3,0	3,9	Thi lại
169	2203360207	Phan Nguyễn Toàn	Phúc	25/02/2005	02TM13C1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
170	2203360196	Nguyễn Hữu	Phúc	09/04/2005	02TM13C1	6,0	5,0	5,3		4,0	4,5	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
171	1223360208	Nguyễn Thanh	Phúc	4/10/2007	01TM15C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
172	2203360246	Đặng Hồng	Phúc	10/06/2005	02KT13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
173	2203360200	Trần Lê Ngọc	Phúc	14/04/2005	02KT13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
174	1203360018	Mai Văn	Phục	01/01/1997	01TW13C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
175	1223360236	Hồ Văn	Phước	07/11/2007	01TM15C1	6,0	6,0	6,0		3,0	4,2	Thi lại
176	2203360003	Đoàn Thanh	Phuong	27/02/2001	02KT13C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
177	2203360166	Trương Nhật	Quang	09/03/2000	02KT13D1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
178	2203360221	Nguyễn Đức Minh	Quân	08/04/2005	02TW13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
179	2203360071	Tiết Thị Ngọc	Quý	13/5/2005	02DD13C2	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
180	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
181	2203360186	Trần Anh	Quốc	13/12/2005	02MK13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
182	2203360234	Lý Trần Thảo	Quỳnh	22/04/2005	02DD13C2	4,0	6,0	5,3		5,0	5,1	Đạt
183	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	7,0	7,0	7,0		3,0	4,6	Thi lại
184	2203360349	Lê Thị	Quỳnh	08/07/1993	02MK13D1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
185	2203360217	Phan Minh	Tài	06/08/2005	02TM13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
186	2203360197	Lý Thành	Tâm	11/10/2005	02TM13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
187	2203360050	Nguyễn Mỹ	Tâm	28/12/2002	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
188	2203360012	Hồ Chí	Tâm	02/02/2023	02TW13D1	6,0	7,0	6,7		0,0	2,7	Thi lại
189	2203360013	Hoàng Minh	Tân	01/10/1983	02TM13D1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
190	2203360205	Trần Mỹ	Tiên	14/04/2005	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
191	2203360060	Phạm Ngọc Thủy	Tiên	30/06/2005	02YS13C2	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
192	1203360120	Phan Cát	Tiên	02/10/2004	01DS13C1	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
193	2193360165	Trương Thị Thuỷ	Tiên	24/11/2001	02KT13C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
194	1223360281	Trần Minh	Tiến	07/09/2007	01MK15C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
195	2203360280	Lê Văn	Tiến	10/10/2004	02KT13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
196	2203360209	Đặng Anh	Tú	15/10/2005	02DD13C2	5,0	7,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
197	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
198	2203360308	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	26/04/2005	02TM13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
199	1203360059	Thái Gia	Tuệ	24/11/2005	02DL13C1	8,0	7,0	7,3		5,0	5,9	Đạt
200	1213360023	Phạm Nguyễn Vân	Tuyền	19/11/2002	01DD14C1	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
201	1203360185	Nguyễn Ngọc Như	Tuyền	09/12/2005	01KT13C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
202	2203360187	Nguyễn Lê Minh	Tuyền	25/08/2005	02TW13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
203	2203360093	Trần Thị Thanh	Tuyền	16/08/2005	02MK13C1	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
204	2203360045	Vũ Minh	Tự	05/09/2000	02DS13D1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
205	2203360130	Trần Đình	Thanh	29/10/2005	02DS13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
206	1203360003	Nguyễn Chí	Thanh	11/08/1987	01KT13D1	5,3	5,3	5,3		5,3	5,3	Đạt
207	2203360051	Trần Thị Thanh	Thảo	24/10/2005	02YS13C2	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
208	1203360178	Lê Thanh	Thảo	31/10/2003	01DS13C1	7,0	6,0	6,3		7,0	6,7	Đạt
209	1203360134	Lê Thị Thu	Thảo	05/06/2004	01TW13C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
210	1203360023	Phan Thanh	Thảo	10/10/2005	01YS13C1	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
211	2203360298	Nguyễn Phước Quý Ngọc	Thảo	16/06/2004	02KT13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
212	2203360224	Nguyễn Tuấn	Thi	20/04/2005	02TM13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
213	2203360157	Huỳnh Thế	Thiên	09/04/2004	02TW13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
214	2203360192	Trần Hưng	Thịnh	28/08/2005	02TW13C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
215	2203360004	Nguyễn Tấn	Thọ	20/12/1997	02TW13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
216	1203360046	Trần Thị Kim	Thoa	07/07/2005	01KT13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
217	2193466025	Nguyễn Lê Hoa	Thu	05/04/2002	#N/A	7,0	6,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
218	2203360275	Trần Đức	Thuận	22/11/2005	02TW13C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
219	2203360165	Lê Thanh	Thúy	19/4/2023	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
220	2203360160	Nguyễn Anh	Thư	05/10/2004	02YS13C1	7,0	7,0	7,0		0,0	2,8	Thi lại
221	2203360332	Nguyễn Thị Anh	Thư	09/08/1998	02KT13D1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
222	1203360152	Đặng Thị Hoài	Thương	19/10/2005	01DS13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
223	2203360211	Trần Thanh	Trà	07/03/2005	02DL13C1	7,0	5,0	5,7		5,0	5,3	Đạt
224	2203360036	Bùi Thị Huyền	Trang	04/04/2005	02DD13C1	7,0	5,0	5,7		5,0	5,3	Đạt
225	2203360265	Trần Võ Hà	Trang	25/02/2005	02DS13C2	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
226	1203360047	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/10/2005	01DD13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
227	2203360260	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/10/2005	02KT13C1	6,0	7,0	6,7		4,0	5,1	Đạt
228	2203360092	Vũ Ngọc	Trang	03/12/2004	02MK13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
229	2203360344	Ngô Thị Minh	Trang	03/01/2004	02MK13C1	8,0	6,0	6,7		5,0	5,7	Đạt
230	2203360108	Liều Gia	Trâm	25/07/2004	02TW13C1	7,0	7,0	7,0		4,0	5,2	Đạt
231	2203360103	Nguyễn Trần Thanh	Trâm	19/08/2004	02DD13C1	6,0	7,0	6,7		4,0	5,1	Đạt
232	2203360230	Trần Thị Minh	Trâm	08/02/2005	02DD13C2	7,0	5,0	5,7		5,0	5,3	Đạt
233	2203360313	Nguyễn Ngọc	Trâm	05/01/2002	02KT13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
234	2203360058	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trân	13/11/2005	02DD13C2	7,0	5,0	5,7		6,0	5,9	Đạt
235	2203360070	Phạm Thị Huyền	Trân	17/03/2004	02DD13C1	8,0	7,0	7,3		5,0	5,9	Đạt
236	2203360233	Văn Nguyễn Ngọc	Trân	20/10/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại
237	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	06/09/2005	01DS13C1	7,0	6,0	6,3		6,0	6,1	Đạt
238	2203360300	Nguyễn Cao Vân	Trinh	13/11/2005	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
239	2203360228	Nguyễn Trần Phương	Trinh	12/11/2005	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
240	2203360193	Nguyễn Mai Phương	Trúc	17/09/2005	02DL13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
241	2203360124	Lê Thị Phương	Trúc	29/12/2005	02DD13C1	6,0	7,0	6,7		6,0	6,3	Đạt
242	2203360223	Nguyễn Thị Thuỷ	Trúc	12/2/2005	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
243	2203360199	Nguyễn Thành	Trung	16/01/2005	02TW13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
244	2203360019	Tiêu Xuân	Trường	27/01/2004	02DL13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
245	2203360208	Phan Ngọc Phương	Uyên	30/04/2005	02MK13C1	7,0	6,0	6,3		5,0	5,5	Đạt
246	2203360115	Trần Võ Hạnh	Vân	23/10/2005	02DS13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
247	2203360044	Nguyễn Thanh	Vi	25/04/1999	02DD13C2	7,0	7,0	7,0		5,0	5,8	Đạt
248	1203360124	Hồ Thị Tường	Vi	09/09/2005	01KT13C1	6,0	6,0	6,0		6,0	6,0	Đạt
249	1203360151	Trần Duy	Vũ	18/03/2005	01DD13C1	7,0	6,0	6,3		4,0	4,9	Thi lại
250	1203360130	Châu Trần Anh	Vũ	08/12/2005	01TM13C1	5,0	6,0	5,7		6,0	5,9	Đạt
251	1203360027	Trần Ngọc Tường	Vy	20/04/2005	02DD13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt
252	2203360182	Ngô Ngọc Yến	Vy	16/07/2004	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		2,0	3,7	Thi lại
253	2203360266	Phạm Thảo	Vy	03/01/2005	02DD13C2	7,0	7,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
254	2203360144	Trần Quế Hà	Vy	11/04/2005	02DS13C1	6,0	6,0	6,0		5,0	5,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
255	2203360225	Phan Thảo Vy	19/6/2004	02YS13C1	7,0	5,0	5,7			5,0	5,3	Đạt
256	1203360092	Nguyễn Thị Tường Vy	26/09/2005	01DD13C1	7,0	6,0	6,3			3,0	4,3	Thi lại
257	1203360093	Nguyễn Thị Phương Vy	02/07/2005	01DD13C1	6,0	6,0	6,0			4,0	4,8	Thi lại
258	2203360189	Trần Hoàng Yến Vy	10/3/2005	02KT13C1	6,0	7,0	6,7			5,0	5,7	Đạt
259	1203360166	Đặng Triệu Vy	08/09/2001	01DS13D1	7,5	7,5	7,5			7,5	7,5	Đạt
260	1203360034	Phạm Lê Xuân	11/01/2000	01TW13C1	7,0	7,0	7,0			5,0	5,8	Đạt
261	2203360055	Đào Thị Thu Xương	12/11/1994	02KT13D1	6,0	7,0	6,7			6,0	6,3	Đạt
262	1203360045	Nguyễn Thị Như Ý	05/02/2005	02DS13C1	6,0	7,0	6,7			5,0	5,7	Đạt
263	2203360264	Huỳnh Như Ý	18/09/2004	02YS13C1	7,0	6,0	6,3			6,0	6,1	Đạt
264	1203360175	Nguyễn Ngọc Như Ý	26/08/2004	01KT13C1	7,0	6,0	6,3			3,0	4,3	Thi lại
265	2193360231	Trần Ngọc Hải Yến	27/12/2003	02DL12C1	6,0	7,0	6,7			3,0	4,5	Thi lại
266	1203360041	Phan Thị Xuân Yến	03/06/2005	01DD13C1	5,0	6,0	5,7			4,0	4,7	Thi lại
267	1203360147	Nguyễn Hoàng Yến	19/01/2004	01DD13C1	7,0	7,0	7,0			5,0	5,8	Đạt
268	1203360117	Huỳnh Thị Yến	05/05/2005	01KT13C1	7,0	6,0	6,3			4,0	4,9	Thi lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
269	1203360054	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	19/08/2005	01KT13C1	6,0	7,0	6,7		5,0	5,7	Đạt

Phòng Đào Tạo